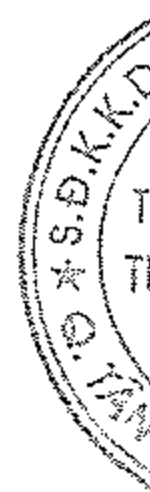


CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HÙNG TRÍ
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 21

41020
CỘNG HÒA
XÃ HỘI
VIỆT NAM
CÁ
THÀNH ĐỢT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Công ty") đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

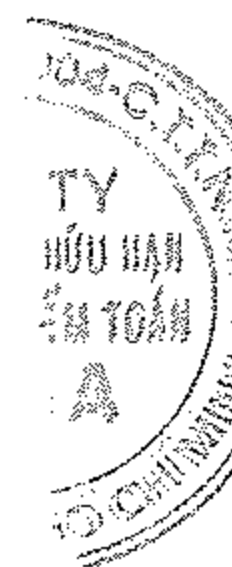
Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Bá Trí	Chủ tịch
Ông Đặng Anh Tâm	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Đặng Anh Tâm	Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Thanh Trà	Giám đốc Tài chính
Ông Phan Thanh Huân	Giám đốc Điều hành
Ông Lâm Thái Bảo	Giám đốc Kinh doanh
Ông Phan Quang Vinh	Kế toán trưởng



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

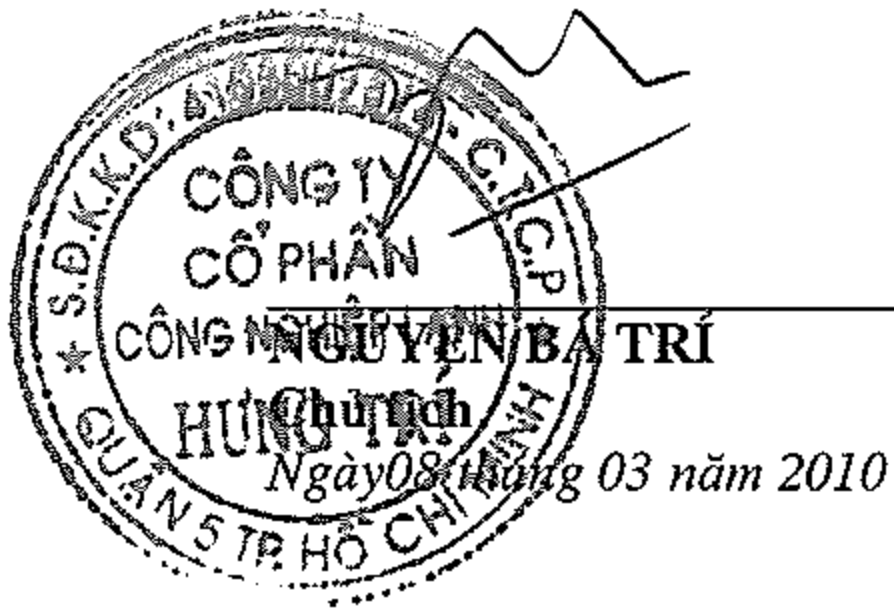
Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HUNG TRÍ
Số 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Thay mặt và Đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Số: /CAA-HCM

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí và các công ty con ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Ghi chú Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 08 tháng 03 năm 2010, từ trang 4 đến trang 21 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Lương Nhân

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182 /KTV

Thay mặt và đại diện cho:

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN CA&A

Ngày 08 tháng 03 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Nguyễn Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
				Điều chỉnh lại
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		145.746.514.801	106.581.644.849
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.853.828.591	16.718.243.300
1. Tiền	111		5.853.828.591	16.718.243.300
2. Các khoản tương đương tiền	111		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	71.222.463.233	34.668.544.921
1. Phải thu khách hàng	131		53.071.509.808	27.610.869.721
2. Trả trước cho người bán	132		12.850.016.623	2.340.227.641
3. Các khoản phải thu khác	135		5.641.425.200	4.782.872.054
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(340.488.398)	(65.424.495)
III. Hàng tồn kho	140	7	64.995.959.204	53.477.532.955
1. Hàng tồn kho	141		64.995.959.204	53.477.532.955
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.674.263.773	1.717.323.673
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		62.724.838	37.470.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		662.655.302	8.360.500
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.948.883.633	1.671.493.173
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.087.261.538	28.971.647.934
I. Tài sản cố định	220		23.354.975.979	24.351.647.934
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	23.264.772.162	23.822.796.362
- Nguyên giá	222		29.397.864.239	27.795.504.856
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.133.092.077)	(3.972.708.494)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	90.203.817	97.919.577
- Nguyên giá	228		168.403.092	149.617.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.199.275)	(51.697.605)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	430.931.995
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	9.136.000.000	4.620.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.816.000.000	4.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		320.000.000	120.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.596.285.559	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.596.285.559	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			179.833.776.339	135.553.292.783

Các ghi chú kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

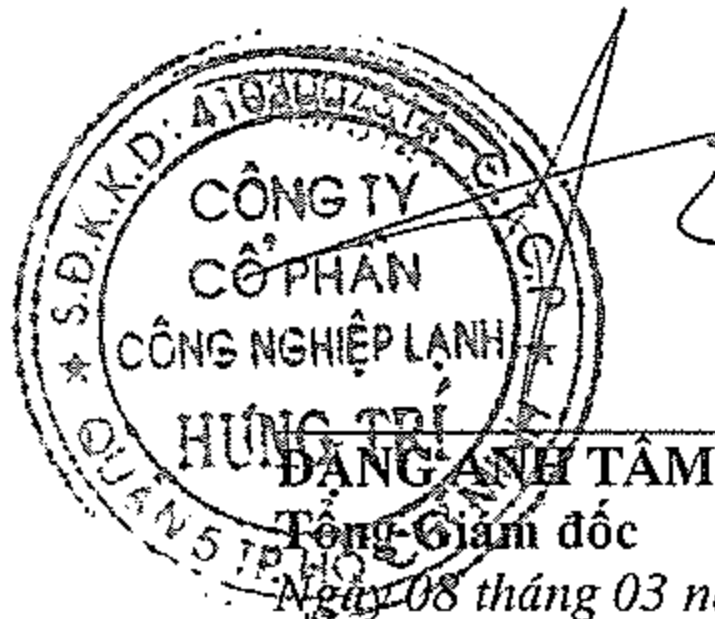
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
				Điều chỉnh lại
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		112.647.952.122	80.510.689.494
I. Nợ ngắn hạn	310		104.560.684.316	70.461.840.212
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	15.381.019.218	13.860.254.060
2. Phải trả người bán	312		39.836.598.617	5.162.192.232
3. Người mua trả tiền trước	313		34.537.049.988	22.615.632.556
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	3.312.281.391	2.071.620.436
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		9.646.860.994	26.205.773.000
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	14	1.846.874.108	546.367.928
II. Nợ dài hạn	330		8.045.344.880	10.792.763.596
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	7.964.000.000	10.732.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	333		123.267.806	84.849.282
3. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	28	63.915.829.465	52.088.982.571
I. Vốn chủ sở hữu	410		62.098.072.068	50.533.305.089
1. Vốn điều lệ	411	16	35.090.000.000 ✓	29.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.556.240.000 ✓	6.556.240.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		(220.973.103)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.884.775.033	1.213.730.874
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.146.626.510	456.865.438
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		(40.612.482)	80.865.438
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420	16	16.682.016.110	13.225.603.339
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.817.757.397	1.555.677.482
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		1.817.757.397	1.555.677.482
C. LỢI ÍCH CỎ ĐỒNG THIỂU SỎ	500	18	3.269.994.752	2.953.620.718
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			179.833.776.339	135.553.292.783



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	2009	2008
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	202.590.186.940	187.496.284.467
2. Giá vốn hàng bán	11	20	150.197.339.201	148.936.990.619
3. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.392.847.739	38.559.293.848
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	243.201.781	243.228.679
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	22	2.378.178.385	2.903.481.993
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.818.292.621	2.386.062.440
6. Chi phí bán hàng	24	23	6.038.518.315	2.464.362.285
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	20.785.387.768	16.250.027.934
8. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		23.433.965.052	17.184.650.315
9. Thu nhập khác	31		22.307.412	315.455.882
10. Chi phí khác	32		48.525.724	104.106.935
11. Lợi nhuận khác	40		(26.218.312)	211.348.947
12. Lãi kế toán trước thuế	50		23.407.755.568	17.395.999.262
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	2.692.186.671	2.479.431.508
14. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.715.568.897	14.916.567.754
Phân bổ:				
14.1 Cổ đông của Công ty			19.575.574.145	13.480.080.149
14.2 Lợi ích của cổ đông thiểu số			1.139.994.752	1.436.487.605
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	26	5.579	4.648



ĐẶNG ANH TÂM

Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2010

PHAN QUANG VINH

Kế toán trưởng

Các ghi chú kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

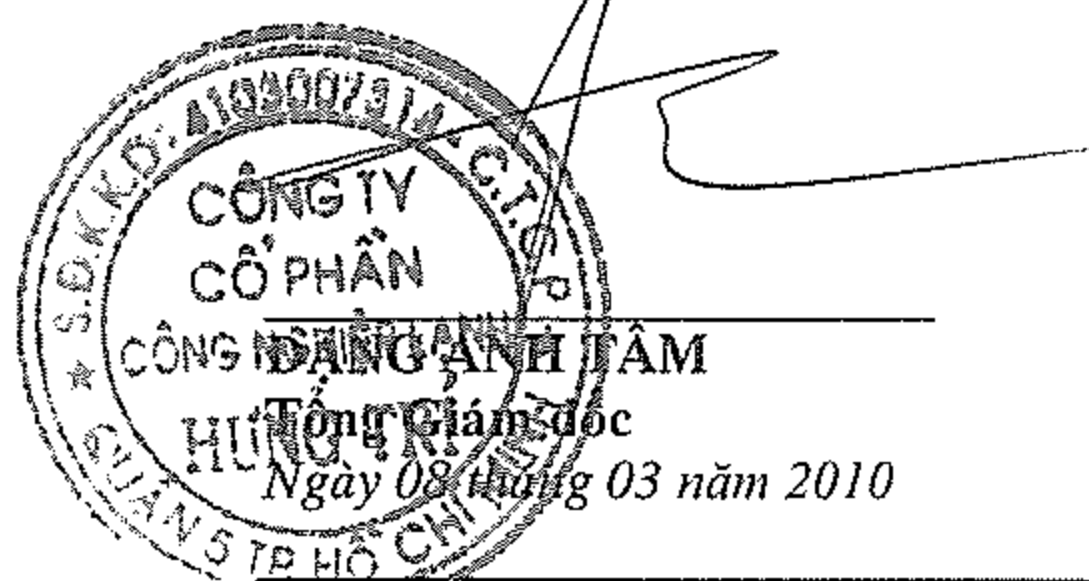
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2009	2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lãi trước thuế	01	23.407.755.568	17.395.999.262
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.186.885.253	909.557.522
Các khoản dự phòng	03	1.575.570.083	65.424.495
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	04		456.187.910
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(211.184.863)	(200.815.563)
Chi phí lãi vay	04	1.818.292.621	2.386.062.440
3. Lợi nhuận/(chi phí) kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	28.777.318.662	21.012.416.066
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(38.981.640.580)	(12.713.378.185)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(11.518.426.249)	14.864.735.304
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	28.249.847.852	608.849.637
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(790.608.402)	85.170.000
Tiền lãi vay đã trả	13	(1.818.292.621)	(2.386.062.440)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(801.778.871)	(4.328.603.150)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.961.639.228)	(261.538.052)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.154.780.563	16.881.589.180
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.021.145.293)	(1.503.959.744)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	34.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.216.000.000)	(8.895.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.700.000.000	1.160.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay	27	211.184.863	206.021.913
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.325.960.430)	(8.998.937.831)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	33	-	1.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	34	21.270.853.894	31.329.320.097
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	35	(21.750.088.736)	(20.591.958.918)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.214.000.002)	(5.776.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.693.234.844)	5.961.361.179
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.480.113.449)	13.844.012.528
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.718.243.300	2.874.230.772
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.853.828.591	16.718.243.300



PHAN QUANG VINH
Kế toán trưởng

Các ghi chú kèm theo từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí ("Công ty") và bốn (4) công ty con như sau:

Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí là một Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103007314 ngày 16 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị vật tư ngành điện - nước, điện tử, điện lạnh, máy văn phòng, máy vi tính, công nghệ phẩm, bách hóa, nông thủy hải sản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Dịch vụ kỹ thuật: Thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì các hệ thống điện (sau điện kế), điện tử, điện lạnh, tin học, hệ thống cung cấp nước (sau thủy kế). Sản xuất gia công sản phẩm cơ khí. Dịch vụ giao nhận hàng hóa. Mua bán thức ăn gia súc, thức ăn nuôi thủy sản, nguyên vật liệu thức ăn chăn nuôi, bao bì các loại, thiết bị môi trường, hoa tươi, rau củ quả. Sản xuất bao bì giấy carton, nhựa. Dịch vụ thương mại. Thiết kế tạo mẫu trên máy vi tính (Không chế bản in), photocopy đen trắng (sao chụp). Sản xuất hệ thống làm lạnh công nghiệp.

Trụ sở của Công ty đặt tại 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các công ty con

Công ty TNHH Hoàng Tâm là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102035925 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2006. Hoạt động chính của công ty là sản xuất, lắp ráp, lắp đặt vật tư thiết bị cơ điện lạnh. Sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, thiết bị môi trường. Sản xuất các thiết bị phục vụ chế biến nông - thủy sản, thiết bị sử dụng cho tàu thuyền. Sản xuất, gia công sản phẩm cơ khí. Dịch vụ tư vấn, lắp đặt cơ điện lạnh. Công ty nắm giữ 90% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Hoàng Tâm.

Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Trình Hưng Trí là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102074585 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2009. Hoạt động chính của công ty là thiết kế công trình điện năng; thiết kế công trình điện công nghiệp, dân dụng; thiết kế các công trình chiếu sáng via hè. Lắp đặt hệ thống điện; cấp - thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; thiết bị làm lạnh công nghiệp; điện lạnh; máy sản xuất nước đá; thiết bị lọc nước và tinh chế nước; hệ thống điện tử, tin học. Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí; thiết bị làm lạnh công nghiệp; điện lạnh; máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị điện tử; hệ thống điện. Sản xuất máy sản xuất nước đá; vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, thiết bị môi trường; sản phẩm cơ khí; gia công cơ khí; nước khoáng; nước tinh khiết đóng chai; thiết bị lạnh công nghiệp; tủ lạnh; hệ thống làm lạnh công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất nước đá. Bán buôn máy móc, thiết bị vật tư ngành điện, nước, điện lạnh, máy văn phòng; máy vi tính, điện tử, thiết bị ngoại vi; thực phẩm, nông sản; nước uống đóng chai; nước đá. Bán lẻ máy móc, thiết bị vật tư ngành điện, nước, điện lạnh, máy văn phòng; thực phẩm, nông thủy sản; nước đá. Đại lý giao nhận hàng hóa. Công ty nắm giữ 95% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Kỹ Thuật Công Trình Hưng Trí.

Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309116112 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 07 năm 2009. Hoạt động chính của công ty là lắp đặt hệ thống điện; hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thiết bị lạnh công nghiệp - điện lạnh; hệ thống điện, tin học. Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống cấp - thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thiết bị lạnh công nghiệp - điện lạnh; máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị điện tử; hệ thống điện (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại chủ sở). Sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt cao, thiết bị môi trường (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thiết bị phân phối và điều khiển điện (không hoạt động tại chủ sở). Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi. Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh. Công ty nắm giữ 90% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Các công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Kho Vận Chuyên Nghiệp ETC là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Giấy phép Kinh doanh số 0102036421 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 01 năm 2005. Hoạt động chính của công ty là tinh chế, đóng gói hàng hóa và bảo quản hàng nông sản thực phẩm trong nước và xuất khẩu; vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, xe container, bốc xếp hàng hóa; sản xuất nước đá tinh khiết; lắp, ráp, cung cấp, lắp đặt và dịch vụ kỹ thuật trong ngành lạnh công nghiệp; cho thuê kho lạnh; Sản xuất bao bì carton. Công ty nắm giữ 90% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Kho Vận Chuyên Nghiệp ETC.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

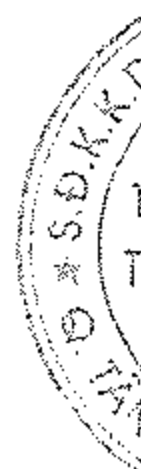
3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC qui định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ tăng 220.973.103 VNĐ và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS10. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.



GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Góp vốn liên doanh (tiếp theo)**

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	08
Tài sản cố định khác	06

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả trong kỳ). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Thuế*

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tiền mặt	2.233.554.490	3.287.719.717
Tiền gửi ngân hàng	3.620.274.101	13.430.523.583
+ Tiền gửi VNĐ	2.431.856.799	13.371.520.837
+ Tiền gửi ngoại tệ	1.188.417.302	59.002.746
	5.853.828.591	16.718.243.300

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Phải thu khách hàng	53.071.509.808	27.610.869.721
Trả trước cho người bán	12.850.016.623	2.340.227.641
Các khoản phải thu khác	5.641.425.200	4.782.872.054
Cộng	71.562.951.631	34.733.969.416
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(340.488.398)	(65.424.495)
Giá trị thuần của các khoản phải thu ngắn hạn	71.222.463.233	34.668.544.921

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	32.991.978.602	32.465.722.547
Công cụ, dụng cụ	331.575.274	82.308.517
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.672.405.328	20.929.501.891
Cộng	64.995.959.204	53.477.532.955
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(-)	(-)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	64.995.959.204	53.477.532.955

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa & vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2009	20.993.545.479	3.369.957.728	2.514.651.538	917.350.111	27.795.504.856
Tăng	441.544.926	775.000.000	-	385.814.457	1.602.359.383
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	<u>21.435.090.405</u>	<u>4.144.957.728</u>	<u>2.514.651.538</u>	<u>1.303.164.568</u>	<u>29.397.864.239</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2009	1.622.130.394	795.893.780	937.688.475	616.995.845	3.972.708.494
Khấu hao trong năm	950.524.641	805.953.284	284.482.834	119.422.824	2.160.383.583
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2009	<u>2.572.655.035</u>	<u>1.601.847.064</u>	<u>1.222.171.309</u>	<u>736.418.669</u>	<u>6.133.092.077</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2008	<u>19.371.415.085</u>	<u>2.574.063.948</u>	<u>1.576.963.063</u>	<u>300.354.266</u>	<u>23.822.796.362</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>18.862.435.370</u>	<u>2.543.110.664</u>	<u>1.292.480.229</u>	<u>566.745.899</u>	<u>23.264.772.162</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 12 và 15, Công ty đã thế chấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 15.879.000.680 VNĐ (năm 2008: 16.446.107.840 VNĐ) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quận 10.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 1/1/2009	149.617.182
Tăng	18.785.910
Tại ngày 31/12/2009	<u>168.403.092</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 1/1/2009	51.697.605
Khấu hao trong năm	26.501.670
Tại ngày 31/12/2009	<u>78.199.275</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2008	<u>97.919.577</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>90.203.817</u>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Góp vốn liên doanh	(x) 8.816.000.000	4.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	320.000.000	120.000.000
Cộng	<u>9.136.000.000</u>	<u>4.620.000.000</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(-)	(-)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	<u>9.136.000.000</u>	<u>4.620.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ

51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(x) Chi tiết như sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty TNHH Bao Bì & Cơ Điện Lạnh Ba Huân	(xx) 5.000.000.000	-
Công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp Thuận Hải	1.566.000.000	-
Công ty Cổ phần Kho lạnh Phú Mỹ	2.250.000.000	1.800.000.000
Công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp	-	2.700.000.000
	<u>8.816.000.000</u>	<u>4.500.000.000</u>

(xx) Ngày 18 tháng 08 năm 2009, Công ty TNHH Hoàng Tâm đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty TNHH Ba Huân thành lập Công ty TNHH Bao Bì & Cơ Điện Lạnh Ba Huân với số vốn điều lệ là 20.000.000.000 VNĐ và tỷ lệ góp vốn là 50/50. Mục đích của liên doanh là để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng hút định hình làm hộp đúng trứng gà, vịt và kho hàng trên lô đất có diện tích 29.859,2 m² tại xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty TNHH Hoàng Tâm đã chuyển số vốn góp là 5.000.000.000 đồng.

Các công ty liên doanh mà Công ty tham gia góp vốn chưa tiến hành lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, do đó các khoản góp vốn liên doanh được phản ánh theo giá gốc.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	-	-
Tăng	1.757.855.667	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(161.570.108)	-
Các khoản thanh lý khác	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.596.285.559</u>	<u>-</u>

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa Văn phòng Công ty và Chi phí thuê cơ sở hạ tầng của công ty TNHH Kho vận chuyên nghiệp ETC. Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 36 tháng (theo quy định tại Điều 7.2, Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 21/12/2003 của bộ Trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định.)

12. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nợ ngắn hạn	14.613.019.218	13.092.254.060
Vay dài hạn đến hạn trả	768.000.000	768.000.000
	<u>15.381.019.218</u>	<u>13.860.254.060</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quận 10 dưới hình thức tín dụng thư và các khoản vay cá nhân:

Khoản tín dụng thư này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 6.000.000.000 VNĐ và sẽ đáo hạn vào ngày 13 tháng 3 năm 2010. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 0.875%/tháng trên chi phí đi vay. Lãi suất cho lần mỗi rút vốn ngắn hơn hoặc bằng thời hạn 3 tháng sẽ được trả sau vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ lãi. Lãi suất cho lần mỗi khoản vốn rút với thời hạn trên 3 tháng sẽ được trả sau, ba tháng một lần vào ngày cuối cùng của kỳ lãi 3 tháng. Công ty đã sử dụng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 51 Trần Phú, phường 4, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này (xem Ghi chú số 8).

Các khoản vay cá nhân có thời hạn là 12 tháng với lãi suất thỏa thuận dựa theo lãi suất cùng thời hạn của các ngân hàng thương mại công bố tại ngày nhận nợ.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	584,564,819	1,250,235,729
Thuế nhập khẩu	17.535.752	19.605.836
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,692,186,671	801.778.871
Khác	17,994,149	-
	<u>3,312,281,391</u>	<u>2,071,620,436</u>

14. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng đối với bảo hành sản phẩm là ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí sửa chữa phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Công ty áp dụng đối với các sản phẩm điện tử, điện lạnh trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.

15. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
		<i>Trình bày lại</i>
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quận 10	7.964.000.000	9.964.000.000
	<u>7.964.000.000</u>	<u>9.964.000.000</u>

Tại ngày 26 tháng 12 năm 2007, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Chi nhánh Quận 10 với số tiền 11.500.000.000 VNĐ. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 20 tháng 3 năm 2008 đến ngày 26 tháng 12 năm 2022. Khoản vay chịu lãi suất 0.93%/tháng cho năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân, và được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm định kỳ 13 tháng tại thời điểm điều chỉnh cộng thêm 0.27% kể từ năm thứ 2 trở đi và được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại số 51 Trần Phú, phường 4, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để thế chấp cho khoản vay này (xem Ghi chú số 8).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
		<i>Trình bày lại</i>
Trong vòng một năm	768.000.000	768.000.000
Trong năm thứ hai	768.000.000	768.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	7.196.000.000	9.196.000.000
Sau năm năm	-	-
	<u>8.732.000.000</u>	<u>10.732.000.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(768.000.000)	(768.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	<u>7.964.000.000</u>	<u>9.964.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP LẠNH HƯNG TRÍ51 Trần Phú, Phường 4, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1/1/2008	28.000.000.000	8.763.206.356	36.763.206.356
Tăng vốn trong năm	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Lãi trong năm	-	14.916.567.754	14.916.567.754
Trích các quỹ	-	(3.618.408.371)	(3.618.408.371)
Cổ tức	-	(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	(1.436.487.605)	(1.436.487.605)
Số dư tại ngày 31/12/2008	29.000.000.000	13.225.603.339	42.225.603.339
Tăng vốn trong năm	6.090.000.000	(6.090.000.000)	-
Lãi trong năm	-	20.715.568.897	20.715.568.897
Trích các quỹ	-	(4.463.046.454)	(4.463.046.454)
Cổ tức	-	(5.214.000.000)	(5.214.000.000)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	(1.492.109.672)	(1.492.109.672)
Số dư tại ngày 31/12/2009	35.090.000.000	16.682.016.110	51.772.016.110

Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty 40.000.000.000 VNĐ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Theo Giấy Đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp			
	VNĐ	%	31/12/2009 VNĐ	%	31/12/2008 VNĐ	%
Nguyễn Bá Trí	11.616.000.000	29.1	11.616.000.000	33.1	9.600.000.000	33.1
Đặng Anh Tâm	6.050.000.000	15.1	6.050.000.000	17.2	5.000.000.000	17.2
Bùi Quốc Hưng	4.840.000.000	12.1	4.840.000.000	13.8	4.000.000.000	13.8
Các cổ đông khác	17.494.000.000	43.7	12.584.000.000	38.9	10.400.000.000	35.9
	40.000.000.000	100	35.090.000.000	100	29.000.000.000	100

17. CỔ TỨC

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Cổ tức		
Cổ tức năm trước chi bằng tiền	1.705.000.000	2.320.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	3.509.000.000	3.080.000.000
	5.214.000.000	5.400.000.000

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.509.000	2.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.509.000	2.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.509.000	2.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.509.000	2.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***18. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong các công ty con của Công ty. Tình hình biến động của cổ đông thiểu số trong năm như sau:

	VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2009 (Điều chỉnh lại)	2.953.620.718
Vốn góp trong năm của các cổ đông thiểu số	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông thiểu số	1.139.994.752
Phân chia lợi nhuận cho các cổ đông thiểu số	(823.620.718)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>3.269.994.752</u>

19. DOANH THU

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	38.840.490.964	41.030.843.666
- Doanh thu bán thành phẩm	158.814.584.882	142.124.683.837
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.978.324.634	4.340.756.964
	<u>202.633.400.480</u>	<u>187.496.284.467</u>
Các khoản giảm trừ	43.213.540	-
- Hàng bán bị trả lại	43.213.540	-
	<u>202.590.186.940</u>	<u>187.496.284.467</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Trong đó:		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	128.449.831.724	125.763.640.957
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.747.507.477	23.173.349.662
	<u>150.197.339.201</u>	<u>148.936.990.619</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	243.201.781	127.850.661
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	84.503.322
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	30.874.696
	<u>243.201.781</u>	<u>243.228.679</u>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lãi tiền vay	1.818.292.621	2.386.062.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	559.885.764	62.231.643
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	455.187.910
	<u>2.378.178.385</u>	<u>2.903.481.993</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Chi phí bao bì	102.632.618	61.941.556
Chi phí bảo hành	2.923.234.506	1.166.030.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.012.651.191	1.236.390.297
	<u>6.038.518.315</u>	<u>2.464.362.285</u>

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Chi phí Nhân viên quản lý	11.253.624.838	7.532.956.140
Chi phí dự phòng	275.063.903	65.424.495
Chi phí đồ dùng văn phòng	462.161.976	150.393.572
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.065.869.994	909.557.522
Thuế, phí và lệ phí	387.926.134	311.153.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.509.331.738	1.942.357.595
Chi phí khác	4.831.409.185	5.338.184.878
	20.785.387.768	16.250.027.934

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	23.407.755.568	17.395.999.262
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(842.566.568)	(1.946.501.173)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	181.635.952	561.535.448
Thu nhập chịu thuế	22.746.824.952	16.011.033.537
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
+ Thuế suất thông thường	25%	28%
+ Thuế suất ưu đãi	15%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.634.365.651	3.600.217.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(1.942.178.980)	(1.120.785.901)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.692.186.671	2.479.431.508

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty TNHH Hoàng Tâm có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế, được miễn 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (2006) và được giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Kho vận Chuyên nghiệp ETC có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm 2005, được miễn 3 năm kể từ năm có thu nhập chịu thuế (2008) và được giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Năm 2009, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Thông tư số 30/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2009	2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19,575,574,145	13,480,080,149
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	19,575,574,145	13,480,080,149
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.509.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.579	4.648

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán và khoản mục “Doanh thu hoạt động tài chính” trên Báo cáo kết quả kinh doanh không so sánh được với số liệu tương ứng năm trước do Công ty không áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán liên quan đến xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như trình bày tại Ghi chú số 3.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Trong năm Ban Giám đốc Công ty đã tiến hành hợp nhất công ty TNHH Kho vận Chuyên nghiệp ETC và điều chỉnh hồi tố số liệu hợp nhất năm 2008 dẫn tới số dư đầu kỳ đã được trình bày lại. Ban Giám đốc tin rằng việc này sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

28. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ khác VNĐ	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2008	28,000,000,000	6.556.240.000	-	65.253.783	130.507.564	65.253.783	65.253.783	8.763.206.356	43.645.715.269
Tăng vốn trong năm	1.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	14.916.567.754	14.916.567.754
Trích quỹ	-	-	-	391.611.655	1.083.223.310	391.611.655	1.751.961.751	(3.618.408.371)	-
Chi từ quỹ	-	-	-	-	-	(376.000.000)	(261.538.052)	-	(637.538.052)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(5.400.000.000)	(5.400.000.000)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(1.436.487.605)	(1.436.487.605)
Tại ngày 31/12/2008	29,000,000,000	6.556.240.000	-	456.865.438	1.213.730.874	80.865.438	1.555.677.482	13.225.603.339	52.088.982.571
Tăng vốn trong năm	6.090.000.000	-	-	-	-	-	-	(6.090.000.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	(*)	20.715.568.897	20.715.568.897
Trích quỹ	-	-	-	689.761.072	1.671.044.159	580.522.080	1.521.719.143	(4.463.046.454)	-
Chi từ quỹ	-	-	(220.973.103)	-	-	(702.000.000)	(1.259.639.228)	(5.214.000.000)	(2,182,612,331)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(5.214.000.000)	(5.214.000.000)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(1.492.109.672)	(1.492.109.672)
Tại ngày 31/12/2009	35,090,000,000	6.556.240.000	(220.973.103)	1.146.626.510	2.884.775.033	(40.162.482)	1.817.757.397	16.682.016.110	63.915.829.465

(*) Chi tiết như sau:

	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Hưng Trí	8.740.679.310	8.740.679.310 (1)
Công ty TNHH Hoàng Tâm	9.977.022.286	7.541.388.052 (2)
Công ty TNHH KTCT Hưng Trí	1.149.884.132	928.531.435 (3)
Công ty TNHH Năng Lượng Xanh Hưng Trí	5.416.599	4.874.939
Công ty TNHH Kho vận Chuyên nghiệp ETC	842.566.568	758.309.911
Tổng cộng	20.715.568.897	17.973.783.647

Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định dùng phần Lợi nhuận sau thuế hợp nhất từ các công ty (1), (2) & (3) là 17.210.598.797 VNĐ để trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 01 tháng 03 năm 2010.